

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3792** /LĐTBXH-TCGDNN
V/v góp ý kế hoạch triển khai Quy hoạch
mạng lưới cơ sở GDNN

Hà Nội, ngày **15** tháng **9** năm 2023

Kính gửi:

- Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Để hoàn thiện dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (dự thảo Quyết định kèm theo).

Văn bản góp ý của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Tầng 7, Tòa nhà Minori, 67A Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) trước ngày **28/9/2023**.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Dũng

**DANH SÁCH XIN Ý KIẾN DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THỜI KỲ
2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Công văn ~~3792~~/LDTBXH-TCGDNN ngày ...~~15~~/9/2023)

I. Danh sách các Bộ

1. Bộ Tư pháp
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Công Thương
5. Bộ Nông nghiệp và PTNT
6. Bộ Văn hoá, Thể thao, Du lịch
7. Bộ Xây dựng
8. Bộ Giao thông vận tải
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo
10. Bộ Thông tin và truyền thông
11. Bộ Nội vụ
12. Bộ Y tế

II. Danh sách các cơ quan ngang Bộ

1. Ủy ban dân tộc

III. Danh sách các cơ quan thuộc Chính phủ

1. Đài tiếng nói Việt Nam
2. Đài truyền hình Việt Nam

IV. Danh sách các cơ quan có liên quan

1. Liên minh hợp tác xã VN
2. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
3. TW Hội Liên hiệp phụ nữ VN
4. Hội Nông dân Việt Nam
5. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

V. Các địa phương: 63 địa phương

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Dự thảo

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KGVX, KTTH, TH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

KẾ HOẠCH

**Triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

Để triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Triển khai đầy đủ, toàn diện có hiệu quả các phương án phát triển, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Xác định công việc, phân công thực hiện, lộ trình thực hiện, cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và các địa phương trong việc triển khai Quyết định số 73/QĐ-TTg.

3. Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; làm cơ sở để xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

II. YÊU CẦU

1. Phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 73/QĐ-TTg.

2. Bảo đảm tính khả thi, nội dung công việc gắn với trách nhiệm, vai trò của đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai Quyết định số 73/QĐ-TTg.

3. Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

4. Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được phê duyệt.

5. Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực.

6. Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

- Giải pháp về cơ chế, chính sách
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
- Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ
- Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển
- Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền
- Giải pháp về hợp tác quốc tế
- Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư
- Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát, thực hiện quy hoạch

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030

2.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 *(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*.

2.2. Việc đầu tư theo danh mục các dự án ưu tiên nêu trên được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3. Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư

- Dự án thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021.

- Dự án có vai trò đầu mối, dẫn dắt hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
- Dự án trong danh mục Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa 15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quy định về pháp luật đất đai khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên cả nước và Kế hoạch này theo đúng quy định.

- Là đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

- Đề xuất hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương phối hợp triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, đề án trình Thủ tướng Chính Phủ hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành.

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bố trí ngân sách hàng năm thực hiện kế hoạch này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nội dung của Quyết định số 73/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Kế hoạch này trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình.

Phụ lục 01

**NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày //2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách			
a	Rà soát, hoàn thiện chính sách đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
b	Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
c	Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
d	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, kể cả hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
2	Phát triển nguồn nhân lực			
2.1	Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề			

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
a	Ưu tiên nguồn lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, ưu tiên nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và các nước phát triển trong nhóm G20 có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhà giáo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngành, nghề mới mà xã hội có nhu cầu	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
b	Đẩy mạnh phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề. Hình thành mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
c	Tăng cường năng lực các cơ sở thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
2.2	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp			
a	Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo phân tầng chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp..	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
b	Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đẩy mạnh thu hút đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo			
a	Bố trí quỹ đất để phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa XV và các quy định về pháp luật đất đai khác có liên quan	Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về xây dựng và thiết kế theo các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
d	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đạt chuẩn theo quy định	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
4	Bảo vệ môi trường, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ.			
a	Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường do hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
b	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
c	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới giáo dục nghề nghiệp và phát triển, công nhận trình độ kỹ năng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm
d	Số hóa, xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông minh có khả năng kết nối, chia sẻ tài nguyên.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			quan, đơn vị liên quan	
5	Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển			
a	Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN và thế giới, từng bước tiến tới công nhận kết quả đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Viện Khoa học Lao động và Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm
b	Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm
c	Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
d	Nghiên cứu tiếp nhận, áp dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề của một số quốc gia có nền kinh tế phát triển phù hợp với điều kiện Việt Nam. Nghiên cứu, công nhận, công bố các tiêu chuẩn kỹ năng nghề của tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia ở một số nghề chưa có tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; thực hiện việc	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	công nhận lẫn nhau về trình độ kỹ năng nghề giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN, trên thế giới			
6	Đẩy mạnh truyền thông, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp và nâng cao nhận thức của xã hội và phát triển hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp			
a	Truyền thông, nâng cao tầm quan trọng, vị trí, vai trò của việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nghề góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
b	Phát triển hệ sinh thái truyền thông phù hợp với phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đối tác	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
7	Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Vụ Hợp tác quốc tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
8	Huy động và phân bổ vốn đầu tư			
a	Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư các trường chất lượng cao, trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; đồng	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	thời tập trung nguồn lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho các đối tượng đặc thù.		quan	
b	Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế. Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân thông qua các cơ chế, chính sách cụ thể	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan liên quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
c	Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, đặc biệt trong việc hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm ASEAN-4 và G20.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan liên quan	Hằng năm
9	Đổi mới và đa dạng mô hình quản lý, phương thức hoạt động			
a	Đa dạng hóa mô hình, phương thức quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập dựa trên tính chất, quy mô của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Văn phòng, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
b	Đẩy mạnh phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn từ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến các cơ quan quản lý các cấp; từng bước thực hiện lộ trình tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Vụ Hợp tác quốc tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn “đầu ra”. Triển khai mô hình quản lý, quản trị, vận hành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Vụ Hợp tác quốc tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
10	Đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao; xác định tiêu chuẩn trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4, các nước phát triển trong nhóm G20			
a	Bồi dưỡng đội ngũ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc đánh giá công nhận trường chất lượng cao	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
b	Đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Nghiên cứu, xác định tiêu chuẩn trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4, các nước phát triển trong nhóm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	G20		ngành nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	
11	Tổ chức thực hiện và giám sát, thực hiện quy hoạch			
a	Xây dựng hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2023
b	Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
c	Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Định kỳ 05 năm, 10 năm

Phụ lục 02

KHUNG CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
1	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
	Có 1.700 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 380 trường cao đẳng, 390 trường trung cấp, 930 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.		1800 cơ sở, trong đó:	1700 cơ sở, trong đó:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			Trường cao đẳng: 400 trường	Trường cao đẳng: 380 trường	
			Trường trung cấp: 400 trường	Trường trung cấp: 390 trường	
			Trung tâm GDNN: 1000 Trung tâm	Trung tâm GDNN: 930 Trung tâm	
2	Loại hình				
2,1	Công lập				
	Có 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, bao gồm: 260 trường cao đẳng, 110 trường trung cấp, 480 trung tâm giáo dục nghề nghiệp		980 cơ sở, trong đó:	850 cơ sở, trong đó:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			Trường cao đẳng: 290 trường	Trường cao đẳng: 260 trường	
			Trường trung cấp: 130 trường	Trường trung cấp: 110 trường	
			Trung tâm GDNN: 560 Trung tâm	Trung tâm GDNN: 480 Trung tâm	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
2,2	Tư thực và có vốn đầu tư nước ngoài				
	Có 850 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và có vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm: 120 trường cao đẳng, 280 trường trung cấp, 450 trung tâm giáo dục nghề nghiệp.		820 cơ sở, trong đó:	850 cơ sở, trong đó:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			Trường cao đẳng: 110 trường	Trường cao đẳng: 120 trường	
			Trường trung cấp: 270 trường	Trường trung cấp: 280 trường	
			Trung tâm GDNN: 440 Trung tâm	Trung tâm GDNN: 450 Trung tâm	
3	Trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao				
	Có 06 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		03 trung tâm	6 trung tâm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
4	Trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao				

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
	Có 12 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		06 trung tâm	12 trung tâm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
5	Trường cao đẳng chất lượng cao				
	Có 90 trường chất lượng cao, trong đó 60 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và 06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.		70 trường, trong đó:	90 trường, trong đó:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			40 trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4	60 trường tiếp cận trình độ các nước Asean-4	
			03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển nhóm G20	06 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển nhóm G20	
6	Phân bố mạng lưới theo vùng đến năm 2030				
6,1	Vùng trung du và miền núi Bắc bộ				
	Chiếm khoảng 14% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			14%	
	Có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
6,2	<i>Vùng đồng bằng sông Hồng</i>				Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			26%	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	02-03 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	02-03 trung tâm	
6,3	<i>Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ</i>				
	Chiếm khoảng 26% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			26%	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	
6,4	<i>Vùng Tây Nguyên</i>				
	Chiếm khoảng 06% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			6%	
	Có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
6,5	Vùng Đông Nam Bộ				
	Chiếm khoảng 17% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			17%	
	Có 01-02 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	02-03 trung tâm	
6,6	Vùng đồng bằng sông Cửu Long				
	Chiếm khoảng 11% cơ sở giáo dục nghề nghiệp cả nước			11%	
	Có 01-02 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao			01-02 trung tâm	
	Có 02-03 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao		01 trung tâm	01-02 trung tâm	
7	Quy mô tuyển sinh, đào tạo				
7,1	Theo trình độ đào tạo				
	Đạt từ 3.800.000 đến 4.000.000 lượt người/năm, trong đó: trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm khoảng 25 - 30%.		2,500,000-2,700,000 người, trong đó:	3,800,000-4,000,000 người, trong đó:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
			trình độ CD, TC chiếm 25	trình độ CD, TC chiếm 25-30%	trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
7,2	Theo ngành, nghề				
	Khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 1.800.000 lượt người, chiếm 45%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 600.000 người, chiếm 15%; dịch vụ đạt 1.600.000 lượt người, chiếm 40%.		Công nghiệp và xây dựng đạt 1,030,000 lượt người, chiếm 38%	Công nghiệp và xây dựng đạt 1,800,000 lượt người, chiếm 45%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 670,000 người, chiếm 25%	Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 600,000 người, chiếm 15%	
			Dịch vụ đạt 1,000,000 người, chiếm 37%	Dịch vụ đạt 1,600,000 người, chiếm 40%	
8	Đội ngũ nhà giáo GDNN				
8,1	Số lượng				
	Có 67.000 nhà giáo; phần đầu thu hút		70,000 nhà giáo	67,000 nhà giáo	Bộ Lao động -

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
	50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp		14.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề	50.000 nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề	Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
8,2	Chất lượng				
	Khoảng 70% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên; 30% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo. Khoảng 65% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20		Khoảng 50% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên	Khoảng 70% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ thạc sỹ trở lên	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
			20% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo	30% nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn có trình độ kỹ năng nghề cao hơn một bậc so với yêu cầu chuẩn kỹ năng nghề đối với nhà giáo	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
			Khoảng 60% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	Khoảng 65% nhà giáo đạt chuẩn để giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	
9	Cán bộ quản lý GDNN				
9,1	Số lượng				
	Phấn đấu có 25.000 cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.		26,000 người	25,000 người	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	<i>Trong đó: 800 cán bộ quản lý tại các trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.</i>		400 người	800 người	
9,2	Cơ cấu				
	Đạt khoảng 75% cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ		60%	75%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
9,3	Chất lượng				
	Khoảng 70% cán bộ quản lý các trường chất lượng cao, trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt chuẩn tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20		30%-40%	70%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
10	Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, các công trình của cơ sở GDNN				
	100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm,		80%	100%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương
	<i>Trong đó có khoảng 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao tiếp cận các chuẩn của khu vực ASEAN và quốc tế</i>		30%	50%	

STT	Mục tiêu đề ra trong quy hoạch (Đến năm 2030)	Chỉ số ban đầu	Chỉ số giữa kỳ (đến năm 2025)	Chỉ số cuối kỳ (đến năm 2030)	Cơ quan chịu trách nhiệm
11	Thiết bị đào tạo				
	Khoảng 95% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu của những ngành nghề mới, kỹ năng mới.		85%	95%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

[illegible]

	khu vực, quốc gia				hội, các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư														
6	Đầu tư trường đào tạo cho đối tượng, ngành nghề đặc thù	x	x	-	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương và trường được lựa chọn đầu tư	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	x	x	x	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú:

I: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ

II: Vùng đồng bằng sông Hồng

III: Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ

IV: Vùng Tây Nguyên

V: Vùng Đông Nam bộ

VI: Vùng đồng bằng sông Cửu Long